

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản và ho, hui, biêu, phường”

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Bạch Xuân**, sinh năm 1960. Địa chỉ: 35D khóm Đông An 5, phường Mỹ Xuyên, thành phố Long Xuyên,

tỉnh An Giang. Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số công chứng 665, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/10/2017 của Văn phòng công chứng Nhựt Quang và văn bản ủy quyền số công chứng 895, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 02/11/2017 của Văn phòng công chứng Huỳnh Thị Nào); có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Phạm Cao Tùng**, sinh năm 1964; có mặt.

Địa chỉ: Ấp Trung 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/10/2017, tại các biên bản hòa giải ngày 08/11/2017 và ngày 06/12/2017 nguyên đơn là bà Lê Thị Tuyết Hằng trình bày:

Giữa bà và vợ chồng ông Văng Phước Thọ, bà Đỗ Thị Loan Em có mối quan hệ bà con và có làm ăn qua lại nhiều năm nên bà có cho vợ chồng ông Thọ, bà Loan Em vay tiền tổng cộng 11 lần với mức lãi suất thỏa thuận 2,5%/tháng, thời hạn của mỗi lần vay là 4 tháng. Cụ thể:

- Ngày 07/9â/2010 tức ngày 14/10/2010, vay 150.000.000 đồng;
- Ngày 09/9â/2010 tức ngày 16/10/2010, vay 200.000.000 đồng;
- Ngày 13/9â/2010 tức ngày 20/10/2010, vay 400.000.000 đồng;
- Ngày 14/9â/2010 tức ngày 21/10/2010, vay 260.000.000 đồng;
- Ngày 15/9â/2010 tức ngày 22/10/2010, vay 680.000.000 đồng;
- Ngày 18/9â/2010 tức ngày 25/10/2010, vay 40.000.000 đồng;
- Ngày 20/9â/2010 tức ngày 27/10/2010, vay 150.000.000 đồng;
- Ngày 25/9â/2010 tức ngày 01/11/2010, vay 50.000.000 đồng;
- Ngày 27/9â/2010 tức ngày 03/11/2010, vay 200.000.000 đồng;
- Ngày 01/10â/2010 tức ngày 06/11/2010, vay 150.000.000 đồng;
- Ngày 06/10â/2010 tức ngày 11/11/2010, vay 450.000.000 đồng;

Tổng cộng số tiền vay vốn gốc là 2.730.000.000 đồng. Tất cả các lần vay trên bị đơn đều có ghi vô sổ nợ của bà là có nhận số tiền trên. Ngoài ra không còn lần vay tiền nào khác.

Sau khi vay, bị đơn có trả lãi nhưng không đầy đủ và bà không nhớ cụ thể tổng số tiền lãi đã trả nên ngày 14/8â/2012, bà với bà Loan Em chốt nợ vay, lãi và nợ hui cộng chung là 5.911.000.000 đồng, lúc này bà Loan Em có trả tiền được 700.000.000 đồng nên còn lại 5.211.000.000 đồng, thỏa thuận bà Loan Em làm biên nhận với nội dung: “*Kim Loan: 5.211.000.000 đ – ngày 14/8/12 âl*”, bà trả lại tất cả các biên nhận 2.730.000.000 đồng của 11 lần vay tiền cho bị đơn xé bỏ.

Bà xác định bị đơn có trả cho bà tổng cộng 4.007.020.000 đồng, cụ thể: sau:

- Ngày 02/8âl/2012 tức ngày 17/9/2012 trả 700.000.000 đồng;
- Ngày 02/02âl/2013 tức ngày 13/3/2013 trả 900.000.000 đồng;
- Buổi chiều ngày 25/02âl/2013 tức ngày 05/4/2013 trả 400.000.000 đồng;
- Ngày 04/8âl/2013 tức ngày 08/9/2013, trả 144.020.000 đồng bằng cách bà Loan Em có hốt một phần hui 5.000.000 đồng do bà làm chủ, khi hốt dây hui này bà Loan Em còn nợ lại 04 phần sống x 5.000.000 đồng = 20.000.000 đồng;
- Ngày 27/8âl/2013 tức ngày 01/10/2013 trả 300.000.000 đồng;
- Ngày 05/11âl/2013 tức ngày 07/12/2013 trả 300.000.000 đồng;
- Buổi chiều ngày 04/5âl/2014 tức ngày 01/6/2014 trả 100.000.000 đồng;
- Ngày 28/6âl/2014 tức ngày 24/7/2014 trả 150.000.000 đồng;
- Ngày 04/12âl/2014 tức ngày 23/01/2015, trả 263.000.000 đồng bằng cách bà Loan Em hốt hai phần hui 5.000.000 đồng do bà làm chủ, khi hốt hai phần hui này bà Loan Em còn nợ lại 16 phần sống x 02 x 5.000.000 đồng = 160.000.000 đồng;
- Ngày 12/12âl/2014 tức ngày 31/01/2015 trả 150.000.000 đồng;
- Ngày 24/8âl/2015 tức ngày 06/10/2015 trả 100.000.000 đồng;
- Ngày 08/11âl/2015 tức ngày 18/12/2015 trả 100.000.000 đồng;
- Ngày 20/12âl/2015 tức ngày 29/01/2016 trả 100.000.000 đồng;
- Ngày 09/8âl/2016 tức ngày 09/9/2016 trả 100.000.000 đồng;
- Ngày 12/7âl/2017 tức ngày 03/8/2017 trả 200.000.000 đồng;
- Riêng lần trả 200.000.000 đồng vào trưa ngày 19/3/2017 và biên nhận có nội dung “trả 200 tr trưa 19-3”, bà không thừa nhận.

Bên cạnh đó, bị đơn còn có tham gia chơi nhiều dây hui do bà làm chủ, không nhớ cụ thể bao nhiêu dây và sau khi bị đơn hốt hui hết nhưng không đóng hui lại, bà không nhớ bị đơn còn thiếu tiền hui của bà là bao nhiêu nên bà đồng ý với việc trong đơn phản tố ngày 30/10/2017 thừa nhận là còn nợ tiền hui của bà tổng cộng là 480.732.000 đồng.

Từ khi bị đơn vay số tiền 2.730.000.000 đồng từ tháng 10/2010 đến tháng 10/2017 là 84 tháng, tính theo mức lãi suất nhà nước quy định là 1,125%/tháng x 84 tháng = 2.579.850.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 5.309.850.000 đồng. Bà đã nhận từ bị đơn trả như trên tổng cộng là 4.007.020.000 đồng nên bị đơn còn nợ bà vốn vay là 1.302.830.000 đồng và nợ hui theo như đơn yêu cầu phản tố của bị đơn thừa nhận là 480.732.000 đồng. Nên bà rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vay và hui cộng chung là 1.783.562.000 đồng.

Tại phiên tòa ngày 06/3/2018, sau khi bị đơn xuất trình biên nhận có nội dung “trả 200 tr trura 19-3” thì bà thừa nhận có nhận 200.000.000 đồng vào trura ngày 19/3/2017 và biên nhận này là do bà viết khi nhận tiền nhưng bà cho rằng đây là số tiền bị đơn trả lãi.

Tại đơn khởi kiện bổ sung và đơn thay đổi bổ sung đơn khởi kiện cùng ngày 09/3/2018, bà và chồng là ông Phạm Cao Tùng cho rằng trong tổng số nợ 5.211.000.000 đồng có số tiền nợ hui là 862.000.000 đồng, bà cung cấp 01 đĩa DVD có file ghi âm có nội dung bà Loan Em thừa nhận số nợ trên, bà còn có yêu cầu giám định chữ viết “Kim Loan: 5.211.000.000 đ – ngày 14/8/12 âl” trong tờ giấy và giọng nói trong file ghi âm là của bà Loan Em viết và nói ra, tại phiên tòa hôm nay do bà Xuân đã thừa nhận biên nhận do bà Loan Em viết nên bà rút lại yêu cầu giám định. Đồng thời bà và ông Tùng còn thay đổi, bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Thọ, bà Loan phải cùng liên đới chịu trách nhiệm trả cho vợ chồng bà số tiền vốn gốc 5.211.000.000 đồng và số tiền lãi là 2.511.930.000 đồng, cộng chung 7.722.930.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Cao Tùng trình bày: Ông là chồng của bà Hằng, ông hoàn toàn thống nhất theo mọi trình bày và yêu cầu của bà Hằng, không bổ sung gì thêm.

Đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị Bạch Xuân trình bày:

Ông Thọ và bà Loan Em là chủ cửa hàng vật tư nông nghiệp Phước Thọ, bà Loan Em là anh em cô cậu với ông Tùng. Bị đơn thừa nhận có vay tiền của bà Hằng 11 lần, thời gian và số tiền cụ thể như bà Hằng trình bày là đúng, tổng cộng tiền vay vốn gốc là 2.730.000.000 đồng. Khi vay có thỏa thuận lãi suất 2,5%/tháng nhưng không thỏa thuận thời hạn trả, mỗi lần vay đều làm biên nhận giao cho bà Hằng giữ. Sau khi vay, bị đơn có trả lãi đầy đủ do bà Hằng trực tiếp nhận, không làm giấy tờ. Đến giữa năm 2012, bị đơn ngưng trả lãi do điều kiện kinh doanh gặp nhiều khó khăn, thường xuyên thua lỗ. Nhằm tạo điều kiện cho bị đơn tiếp tục trả nợ nên bà Hằng đồng ý giảm lãi theo pháp luật quy định và bị đơn vẫn tiếp tục trả vốn và trả lãi, có bao nhiêu trả bấy nhiêu cho đến khi dứt nợ chứ không trả lãi theo định kỳ hàng tháng như trước đây, kể từ đó mỗi lần trả đều do bà Hằng nhận và có làm giấy tờ giao cho bị đơn cất giữ, cụ thể:

- Ngày 02/8âl/2012 tức ngày 17/9/2012 trả 700.000.000 đồng;
- Ngày 02/02âl/2013 tức ngày 13/3/2013 trả 900.000.000 đồng;
- Buổi chiều ngày 25/02âl/2013 tức ngày 05/4/2013 trả 400.000.000 đồng;

- Ngày 04/8âl/2013 tức ngày 08/9/2013, trả 144.020.000 đồng bằng cách bà Loan Em có hót một phần hui 5.000.000 đồng do bà Hằng làm chủ, khi hót dây hui này bà Loan Em còn nợ lại 04 phần sống x 5.000.000 đồng = 20.000.000 đồng;

- Ngày 27/8â/2013 tức ngày 01/10/2013 trả 300.000.000 đồng;
- Ngày 05/11â/2013 tức ngày 07/12/2013 trả 300.000.000 đồng;
- Buổi trưa ngày 19/03â/2014 tức ngày 18/4/2014 trả 200.000.000 đồng, khi nhận bà Hằng có viết biên nhận với nội dung “Trả 200tr Trưa 19-3”, tại phiên tòa ngày 06/3/2018 bà Hằng đã thừa nhận có nhận số tiền này;
- Buổi chiều ngày 04/5â/2014 tức ngày 01/6/2014 trả 100.000.000 đồng;
- Ngày 28/6â/2014 tức ngày 24/7/2014 trả 150.000.000 đồng;
- Ngày 04/12â/2014 tức ngày 23/01/2015, trả 263.000.000 đồng bằng cách bà Loan Em hót hai phần hội 5.000.000 đồng do bà Hằng làm chủ, khi hót hai phần hội này bà Loan Em còn nợ lại 16 phần sống x 02 x 5.000.000 đồng = 160.000.000 đồng;
- Ngày 12/12â/2014 tức ngày 05/2/2015 trả 150.000.000 đồng;
- Ngày 24/8â/2015 tức ngày 06/10/2015 trả 100.000.000 đồng;
- Ngày 08/11â/2015 tức ngày 18/12/2015 trả 100.000.000 đồng;
- Ngày 20/12â/2015 tức ngày 29/01/2016 trả 100.000.000 đồng;
- Ngày 09/8â/2016 tức ngày 09/9/2016 trả 100.000.000 đồng;
- Ngày 12/7â/2017 tức ngày 03/8/2017 trả 200.000.000 đồng. Số tiền này bà Loan Em trả cho số tiền hội hót ngày 04/8â/2013 còn nợ lại 20.000.000 đồng và số tiền hội hót ngày 04/12â/2014 còn nợ lại 160.000.000 đồng, cộng chung là 180.000.000 đồng nhưng bà Loan Em trả chẵn 200.000.000 đồng, bởi bà Loan Em tự nguyện trả thêm 20.000.000 đồng xem như tiếp tiền lãi của số tiền hội vốn 180.000.000 đồng cho bà Hằng. Sau lần trả này là dứt nợ nên bà Hằng đã giao trả lại hết toàn bộ bản gốc của 11 biên nhận nợ cho bà Loan Em xé bỏ.

Trong văn bản ngày 30/10/2017 của bị đơn có nội dung ông Thọ, bà Loan còn nợ hội tổng cộng là 480.732.000 đồng là do bị đơn tính nhầm vì nguyên tắc chơi hội sau khi hót hội thì người hót hội sẽ còn nợ lại số phần hội sống chưa châu chứ không phải nợ số tiền đã hót hội. Do đó ông Thọ, bà Loan Em nợ bà Hằng số tiền hội như trình bày trên là 20.000.000 đồng + 160.000.000 đồng = 180.000.000 đồng.

Riêng tờ giấy có nội dung “*Kim Loan: 5.211.000.000 đ – ngày 14/8/12 âl*” bà thừa nhận là chữ viết của bà Loan Em, do khi đó bà Hằng có đem các biên nhận ra tính toán và kêu bà Loan Em ghi lại vào tờ giấy để ghi nhớ lãi và vốn đến ngày 14/8/2012â là 5.211.000.000 đồng. Bà cho rằng việc tính toán này của bà Hằng là hoàn toàn không chính xác nên yêu cầu Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét lại.

Tại bản tự khai bổ sung ngày 20/4/2018, để chứng minh thêm cho việc bị đơn đã trả dứt nợ, bà Xuân trình bày cụ thể về việc trả vốn và lãi của bị đơn theo quy định của pháp luật như sau:

- Tổng số vốn vay 2.730.000.000 đồng, từ ngày 11/11/2010 đến ngày 17/9/2012 là: 22,5 tháng, lãi suất luật định là: $1,125\%/tháng \times 2.730.000.000 \text{ đồng} \times 22,5 \text{ tháng} = 691.000.000 \text{ đồng}$. Bị đơn trả 700.000.000 đồng – 691.000.000 đồng, còn thừa 9.000.000 đồng, khấu trừ vào vốn nên số vốn còn lại để tính lãi tiếp theo là $2.730.000.000 \text{ đồng} - 9.000.000 \text{ đồng} = 2.721.000.000 \text{ đồng}$.

- Từ ngày 18/9/2012 đến ngày 13/3/2013 là: 5,87 tháng, lãi suất luật định là: $1,125\%/tháng \times 2.721.000.000 \text{ đồng} \times 5,87 \text{ tháng} = 179.688.000 \text{ đồng}$. Bị đơn trả 900.000.000 đồng - 179.688.000 đồng, còn thừa 720.312.000 đồng, khấu trừ vào vốn nên số vốn còn lại để tính lãi tiếp theo là $2.721.000.000 \text{ đồng} - 720.312.000 \text{ đồng} = 2.000.688.000 \text{ đồng}$.

- Từ ngày 14/3/2013 đến ngày 05/4/2013 là: 0,733 tháng, lãi suất luật định là: $1,125\%/tháng \times 2.000.688.000 \text{ đồng} \times 0,733 \text{ tháng} = 16.506.000 \text{ đồng}$. Bị đơn trả 400.000.000 đồng – 16.506.000 đồng, còn thừa 383.494.000 đồng, khấu trừ vào vốn nên số vốn còn lại để tính lãi tiếp theo là $2.000.688.000 \text{ đồng} - 383.494.000 \text{ đồng} = 1.617.194.000 \text{ đồng}$.

- Từ ngày 06/4/2013 đến ngày 08/9/2013 là: 155 ngày = 5,17 tháng, lãi suất luật định là: $1,125\%/tháng \times 1.617.194.000 \text{ đồng} \times 5,17 \text{ tháng} = 94.060.000 \text{ đồng}$. Bị đơn trả 144.020.000 đồng - 94.060.000 đồng, còn thừa 49.960.000 đồng khấu trừ vào vốn nên số vốn còn lại để tính lãi tiếp theo là $1.617.194.000 \text{ đồng} - 49.960.000 \text{ đồng} = 1.567.234.000 \text{ đồng}$.

- Từ ngày 09/9/2013 đến ngày 01/10/2013 là: 22 ngày = 0,733 tháng, lãi suất luật định là: $1,125\%/tháng \times 1.567.234.000 \text{ đồng} \times 0,733 \text{ tháng} = 12.924.000 \text{ đồng}$. Bị đơn trả 300.000.000 đồng - 12.924.000 đồng, còn thừa 287.076.000 đồng khấu trừ vào vốn nên số vốn còn lại để tính lãi tiếp theo là $1.567.234.000 \text{ đồng} - 287.076.000 \text{ đồng} = 1.280.158.000 \text{ đồng}$.

- Từ ngày 02/10/2013 đến ngày 07/12/2013 là: 2,2 tháng, lãi suất luật định là: $1,125\%/tháng \times 1.280.158.000 \text{ đồng} \times 2,2 \text{ tháng} = 31.684.000 \text{ đồng}$. Bị đơn trả 300.000.000 đồng – 31.684.000 đồng, còn thừa 268.316.000 đồng khấu trừ vào vốn nên số vốn còn lại để tính lãi tiếp theo là $1.280.158.000 \text{ đồng} - 268.316.000 \text{ đồng} = 1.011.842.000 \text{ đồng}$.

- Từ ngày 08/12/2013 đến ngày 01/6/2014 là: 5,83 tháng, lãi suất luật định là: $1,125\%/tháng \times 1.011.842.000 \text{ đồng} \times 5,83 \text{ tháng} = 66.364.000 \text{ đồng}$. Bị đơn trả 100.000.000 đồng – 66.364.000 đồng, còn thừa 33.636.000 đồng khấu trừ vào vốn nên số vốn còn lại để tính lãi tiếp theo là $1.011.842.000 \text{ đồng} - 33.636.000 \text{ đồng} = 978.206.000 \text{ đồng}$.

- Từ ngày 02/6/2014 đến ngày 24/7/2014 là: 1,73 tháng, lãi suất luật định là: $1,125\%/tháng \times 978.206.000 \text{ đồng} \times 1,73 \text{ tháng} = 19.038.000 \text{ đồng}$. Bị đơn trả

150.000.000 đồng - 19.038.000 đồng, còn thừa 130.962.000 đồng khấu trừ vào vốn nên số vốn còn lại để tính lãi tiếp theo là 978.206.000 đồng – 130.962.000 đồng = 847.244.000 đồng.

- Từ ngày 25/7/2014 đến ngày 23/01/2015 là: 6,1 tháng, lãi suất luật định là: $1,125\%/tháng \times 847.244.000 \text{ đồng} \times 6,1 \text{ tháng} = 58.142.000 \text{ đồng}$. Bị đơn trả 263.000.000 đồng - 58.142.000 đồng, còn thừa 204.858.000 đồng khấu trừ vào vốn nên số vốn còn lại để tính lãi tiếp theo là 847.244.000 đồng – 204.858.000 đồng = 642.386.000 đồng.

- Từ ngày 24/01/2015 đến ngày 31/01/2015 là: 0,23 tháng, lãi suất luật định: $1,125\%/tháng \times 642.386.000 \text{ đồng} \times 0,23 \text{ tháng} = 1.662.000 \text{ đồng}$. Bị đơn trả 150.000.000 đồng - 1.662.000 đồng, còn thừa 148.338.000 đồng khấu trừ vào vốn nên số vốn còn lại để tính lãi tiếp theo là 642.386.000 đồng – 148.338.000 đồng = 494.048.000 đồng.

- Từ ngày 01/02/2015 đến ngày 06/10/2015 là: 8,23 tháng, lãi suất luật định là: $1,125\%/tháng \times 494.048.000 \text{ đồng} \times 8,23 \text{ tháng} = 45.743.000 \text{ đồng}$. Bị đơn trả 100.000.000 đồng – 45.743.000 đồng, còn thừa 54.257.000 đồng khấu trừ vào vốn nên số vốn còn lại để tính lãi tiếp theo là 494.048.000 đồng – 54.257.000 đồng = 439.791.000 đồng.

- Từ ngày 07/10/2015 đến ngày 18/12/2015 là: 2,4 tháng, lãi suất luật định là: $1,125\%/tháng \times 439.791.000 \text{ đồng} \times 2,4 \text{ tháng} = 11.874.000 \text{ đồng}$. Bị đơn trả 100.000.000 đồng – 11.874.000 đồng, còn thừa 88.126.000 đồng khấu trừ vào vốn nên số vốn còn lại để tính lãi tiếp theo là 439.791.000 đồng – 88.126.000 đồng = 351.665.000 đồng.

- Từ ngày 19/12/2015 đến ngày 29/01/2016 là: 1,37 tháng, lãi suất luật định là: $1,125\%/tháng \times 351.665.000 \text{ đồng} \times 1,37 \text{ tháng} = 5.420.000 \text{ đồng}$. Bị đơn trả 100.000.000 đồng - 5.420.000 đồng, còn thừa 94.580.000 đồng khấu trừ vào vốn nên số vốn còn lại để tính lãi tiếp theo là 351.665.000 đồng – 94.580.000 đồng = 257.085.000 đồng.

- Từ ngày 30/01/2016 đến ngày 09/9/2016 là: 7,43 tháng, lãi suất luật định là: $1,125\%/tháng \times 257.085.000 \text{ đồng} \times 7,43 \text{ tháng} = 21.489.000 \text{ đồng}$. Bị đơn trả 100.000.000 đồng – 21.489.000 đồng, còn thừa 78.511.000 đồng khấu trừ vào vốn nên số vốn còn lại để tính lãi tiếp theo là 265.178.018 đồng – 77.725.046,5 đồng = 178.574.000 đồng.

- Từ ngày 10/9/2016 đến ngày 19/3/2017 là: 6,33 tháng, lãi suất luật định là: $1,125\%/tháng \times 178.574.000 \text{ đồng} \times 6,33 \text{ tháng} = 12.717.000 \text{ đồng}$. Tổng vốn và lãi lúc này là 178.574.000 + 12.717.000 = 191.291.000 đồng nhưng bị đơn trả chặn 200.000.000 đồng xem như dứt nợ.

- Ngày 03/8/2017 bị đơn trả thêm 200.000.000 đồng là để trả cho số nợ hui 180.000.000 đồng mà bị đơn còn nợ, còn thừa 20.000.000 đồng bị đơn tự nguyện hỗ trợ tiền lãi của số tiền hui này.

Như vậy ông Thọ, bà Loan Em đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn đầy đủ nên đề nghị HĐXX xem xét không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Lương Tổng Thi yêu cầu HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải cùng chịu trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền vốn gốc 5.211.000.000 đồng và số tiền lãi là 2.511.930.000 đồng, cộng chung 7.722.930.000 đồng.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng như sau:

Về tố tụng:

- Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án cũng như ban hành văn bản tố tụng, cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng đúng quy định.

- Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người đại diện hợp pháp của bị đơn; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về nội dung:

- Giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh tranh chấp với nhau về hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui. Trong đơn khởi kiện bà Hằng yêu cầu ông Thọ, bà Loan Em có trách nhiệm trả số tiền 5.211.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 14/8/2012^âl. Quá trình giải quyết bà Hằng rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu số tiền 1.783.562.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ tháng 11/2010 đến nay. Sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 09/3/2018 bà Hằng, ông Tùng tiếp tục có đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông Thọ, bà Loan Em trả số tiền 5.211.000.000 đồng, trong đó nợ hui là 862.000.000 đồng, nợ vay là 4.349.000.000 đồng và lãi 64 tháng theo mức lãi suất 20%/năm là 2.511.930.000 đồng. Tổng cộng là 7.722.930.000 đồng là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết yêu cầu vượt quá này.

- Tại phiên tòa bà Xuân thừa nhận tờ giấy có nội dung “*Kim Loan: 5.211.000.000 đ – ngày 14/8/12 âl*” là chữ viết của bà Loan Em, do lúc đó bà Hằng đem các biên nhận ra tính toán và kêu bà Loan Em ghi vào tờ giấy để ghi nhớ lãi và vốn đến ngày 14/8/2012^âl là 5.211.000.000 đồng. Nên bà Hằng đã rút lại yêu cầu giám định biên nhận nợ với file ghi âm vì bị đơn đã thừa nhận.

- Quá trình giải quyết vụ án bà Hằng đều cho rằng biên nhận nợ 5.211.000.000 đồng xuất phát từ 11 lần cho vay tổng số tiền là 2.730.000.000

đồng, bà Xuân cũng thống nhất số vốn gốc và thời gian vay trong năm 2010 là 2.730.000.000 đồng và bà Hằng thừa nhận có nhận nhiều lần và thời gian cụ thể của mỗi lần nhận với tổng số tiền 4.207.020.000 đồng do bà Loan Em trả.

- Về số tiền nợ hui bà Hằng yêu cầu số tiền 480.732.000 đồng như trong đơn phản tố ngày 30/10/2017 của bà Xuân đã thừa nhận nhưng trong đơn khởi kiện thay đổi bổ sung ngày 09/3/2018 bà Hằng yêu cầu số tiền là 860.000.000 đồng. Nhưng căn cứ vào các giấy nợ hui và lời trình bày của bà Hằng tại các biên bản hòa giải thể hiện số tiền nợ hui bà Loan Em chưa châu tổng cộng 180.000.000 đồng phù hợp với lời trình bày của bà Xuân.

Do đó, xem xét vào chứng cứ có tại hồ sơ và lời trình bày của các bên đương sự, xét thấy lời trình bày của bà Xuân cho rằng bị đơn không còn nợ nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị HĐXX xem xét quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Lê Thị Tuyết Hằng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Văng Phước Thọ và bà Đỗ Thị Loan Em trả số tiền vay và số tiền hui còn nợ nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp về “*Hợp đồng vay tài sản và nợ, hui, biên, phường*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ông Thọ, bà Loan Em với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Phú Bình, xã Phú An, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Ngày 09/3/2018, sau khi Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử bà Hằng, ông Tùng có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải cùng liên đới chịu trách nhiệm trả thêm số tiền lãi là 2.511.930.000 đồng là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên HĐXX không xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ vay và nợ hui là 5.211.000.000 đồng. Nguyên đơn cung cấp biên nhận có nội dung “*Kim Loan: 5.211.000.000 đ – ngày 14/8/12 âl*” với 01 đĩa DVD cho rằng có file ghi âm thừa nhận nợ do bà Loan Em viết và nói ra đồng thời có yêu cầu Tòa án tiến hành giám

định. Tại phiên tòa bà Xuân thừa nhận dòng chữ “*Kim Loan: 5.211.000.000 đ – ngày 14/8/12 âl*” là do bà Loan Em viết ra, khi đó bà Hằng đem 11 biên nhận của 11 lần vay ra tính toán kê bà Loan Em viết để ghi nhớ lãi và vốn đến ngày 14/8/2012 là 5.211.000.000 đồng. Bà Xuân cho rằng việc tính toán này của bà Hằng là hoàn toàn không chính xác nên yêu cầu HĐXX xem xét lại.

[3] Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất:

Tổng số vốn vay ban đầu sau 11 lần vay từ ngày 14/10/2010 đến ngày 11/11/2010 là 2.730.000.000 đồng.

Tổng số tiền bị đơn đã trả từ ngày 17/9/2012 đến 03/8/2017 là 4.207.020.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 17/9/2012 trả 700.000.000 đồng;
- Ngày 13/3/2013 trả 900.000.000 đồng;
- Ngày 05/4/2013 trả 400.000.000 đồng;
- Ngày 08/9/2013, trả 144.020.000 đồng bằng cách bà Loan Em có hót một phần hụi 5.000.000 đồng do bà làm chủ, khi hót dây hụi này bà Loan Em còn nợ lại 04 phần sống x 5.000.000 đồng = 20.000.000 đồng;
- Ngày 01/10/2013 trả 300.000.000 đồng;
- Ngày 07/12/2013 trả 300.000.000 đồng;
- Ngày 01/6/2014 trả 100.000.000 đồng;
- Ngày 24/7/2014 trả 150.000.000 đồng;
- Ngày 23/01/2015, trả 263.000.000 đồng bằng cách bà Loan Em hót hai phần hụi 5.000.000 đồng do bà làm chủ, khi hót hai phần hụi này bà Loan Em còn nợ lại 16 phần sống x 02 x 5.000.000 đồng = 160.000.000 đồng;
- Ngày 31/01/2015 trả 150.000.000 đồng;
- Ngày 06/10/2015 trả 100.000.000 đồng;
- Ngày 18/12/2015 trả 100.000.000 đồng;
- Ngày 29/01/2016 trả 100.000.000 đồng;
- Ngày 09/9/2016 trả 100.000.000 đồng;
- Ngày 19/3/2017 trả 200.000.000 đồng;
- Ngày 03/8/2017 trả 200.000.000 đồng;

[4] Xét theo lời trình bày của nguyên đơn, tính đến ngày 11/11/2010 bị đơn đã nợ vốn gốc tổng cộng là 2.730.000.000 đồng và đến ngày 14/8/2012 (tức ngày 29/9/2012) bị đơn có viết dòng chữ “*Kim Loan: 5.211.000.000 đ – ngày 14/8/12 âl*”. Thời gian từ khi vay lần cuối cùng (ngày 11/11/2010) cho đến ngày nguyên đơn xác định bị đơn đã viết biên nhận nợ 5.211.000 đồng (ngày 14/8/12 âl) là 22

tháng 18 ngày. Các bên đương sự xác định lãi suất thỏa thuận cho vay là 2,5%/tháng thì lãi suất tính từ ngày 11/11/2010 ã đến ngày 14/8/2012 ã là 2,5%/tháng x 22 tháng 18 ngày x 2.730.000.000 đồng = 1.542.450.000 đồng. Như vậy, cả vốn và lãi theo các bên thỏa thuận tính đến ngày 14/8/2012 ã (tức ngày 29/9/2012) chỉ có 4.272.450.000 đồng. Do đó, nguyên đơn cho rằng tính đến ngày 14/8/2012 ã (tức ngày 29/9/2012) phía bị đơn đã nợ tổng cộng số tiền 5.911.000.000 đồng căn cứ tờ giấy có dòng chữ “*Kim Loan: 5.211.000.000 đ – ngày 14/8/12 ã*” là không có cơ sở để xem xét.

[5] Xét lời trình bày của bị đơn:

Các đương sự đều thống nhất tổng số tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn từ ngày 17/9/2012 đến 03/8/2017 là 4.207.020.000 đồng, các đương sự cũng thống nhất số lần, số tiền và thời gian thanh toán của từng lần cụ thể như đã trình bày tại mục [3].

Giao dịch dân sự đang được thực hiện có nội dung, hình thức khác với quy định của Bộ luật Dân sự 2015 bởi mức lãi suất các bên thỏa thuận là 2,5%/tháng nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015 thì Bộ luật Dân sự năm 2005 được áp dụng để xem xét, giải quyết tranh chấp giữa các đương sự. Do đó, phía nguyên đơn lấy mức lãi 20%/ năm để tính tiền lãi đối với bị đơn theo Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 09/3/2018 là không có cơ sở để xem xét. Mặc khác, trong tổng số tiền 5.211.000.000 đồng do nguyên đơn xác định ngày 14/8/2012 ã (tức ngày 29/9/2012) bao gồm cả nợ gốc, nợ lãi và nợ hui. Phía nguyên đơn không phân định nợ gốc bao nhiêu để tính lãi cho phù hợp mà tính lãi trên tổng số 5.211.000.000 đồng tức lãi chồng lãi là trái với quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự 2005 thì: “*Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ.*”

Tại khoản 1 Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005 quy định: “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng*”.

Theo quy định tại Điều 1 Quyết định số: 2868/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 11 năm 2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam thì mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm.

Căn cứ theo các quy định của pháp luật nêu trên thì cách tính số tiền gốc và lãi mà bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tại bản tự khai bổ sung ngày 20/4/2018 của bà Xuân là phù hợp. HĐXX nhận thấy bị đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nguyên đơn nên không chấp nhận yêu cầu buộc bị đơn phải trả số tiền

5.211.000.000 đồng của nguyên đơn.

[6] Án phí, chi phí tố tụng: Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì: Bà Hằng phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là: $112.000.000 \text{ đồng} + (5.211.000.000 \text{ đồng} - 4.000.000.000 \text{ đồng}) \times 0,1\% = 113.211.000 \text{ đồng}$ (một trăm mười ba triệu hai trăm mười một nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.605.000 đồng (năm mươi sáu triệu sáu trăm lẻ năm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0016272 ngày 23 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Bà Hằng còn phải nộp tiếp số tiền là 56.605.000 đồng (năm mươi sáu triệu sáu trăm lẻ năm nghìn đồng).

Về chi phí tố tụng: Yêu cầu của bà Hằng không được chấp nhận nên phải chịu chi phí cho việc lấy mẫu so sánh giám định là 6.000.000 đồng và bà đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;
- Khoản 5 Điều 474, khoản 1 Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005;
- Điểm a khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015 ;
- Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị Tuyết Hằng buộc các bị đơn là ông Văng Phước Thọ, bà Đỗ Thị Loan Em phải liên đới thanh toán số tiền vay vốn gốc là 5.211.000.000 đồng (năm tỷ hai trăm mười một triệu đồng).

2. Án phí, chi phí tố tụng:

Bà Hằng phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là 113.211.000 đồng (một trăm mười ba triệu hai trăm mười một nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.605.000 đồng (năm mươi sáu triệu sáu trăm lẻ năm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0016272 ngày 23 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện

Phú Tân, tỉnh An Giang. Bà Hằng còn phải nộp tiếp số tiền là 56.605.000 đồng (năm mươi sáu triệu sáu trăm lẻ năm nghìn đồng).

Chi phí tố tụng: Bà Hằng phải chịu chi phí cho việc lấy mẫu so sánh giám định là 6.000.000 đồng và bà đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hữu Nghĩa